

Số: 355 /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố số: 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 13/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 21/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư kèm theo hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với một số dự án đầu tư công như sau:

A. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Tổng số dự án trình phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại kỳ họp HĐND Thành phố tháng 9/2023 là 34 dự án (*trong đó có 03 dự án nhóm A, 22 dự án nhóm B, 09 dự án nhóm C*) với tổng mức đầu tư dự kiến là 27.532,3 tỷ đồng. Trong đó:

1. Phê duyệt chủ trương đầu tư: 30 dự án (*gồm 01 dự án nhóm A, 20 dự án nhóm B và 09 dự án nhóm C*), tổng mức đầu tư dự kiến 15.085,4 tỷ đồng:

2. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư: 04 dự án (*gồm 02 dự án nhóm A, 02 dự án nhóm B*), tổng mức đầu tư dự kiến 12.446,9 tỷ đồng:

I. Phê duyệt chủ trương đầu tư

Phê duyệt chủ trương đầu tư cho 30 dự án (*gồm 01 dự án nhóm A, 20 dự án nhóm B và 09 dự án nhóm C*), tổng mức đầu tư dự kiến 15.085,4 tỷ đồng, gồm:

- 22 dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố (*gồm 01 dự án nhóm A, 16 dự án nhóm B và 05 dự án nhóm C*), tổng mức đầu tư dự kiến 13.053,4 tỷ đồng.

- 02 dự án nhóm B sử dụng 02 nguồn ngân sách (*cấp Thành phố và cấp huyện*) với tổng mức đầu tư dự kiến 908,6 tỷ đồng. Dự kiến trong giai đoạn 2021-2025 sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện Thường Tín, giai đoạn 2026-2030 sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố.

- 06 dự án sử dụng ngân sách cấp huyện (*gồm 02 dự án nhóm B và 04 dự án nhóm C*), tổng mức đầu tư dự kiến 1.123,3 tỷ đồng.

II. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư

Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của 04 dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố (*gồm 02 dự án nhóm A, 02 dự án nhóm B*), tổng mức đầu tư dự kiến 12.446,9 tỷ đồng.

III. Về nhu cầu vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án

1. Đối với các dự án phê duyệt chủ trương đầu tư

a) Đối với các dự án phê duyệt chủ trương đầu tư sử dụng ngân sách cấp Thành phố

Tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố, Kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp Thành phố là 253.489,37 tỷ đồng. Trong đó kế hoạch trung hạn sau rà soát của các dự án cấp Thành phố theo từng ngành, lĩnh vực là 195.779 tỷ đồng gồm 165.589 tỷ đồng đã phân bổ cho các dự án đủ điều kiện và 30.190 tỷ đồng dự nguồn cho một số lĩnh vực. Cụ thể:

(1) Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 3.857,305 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 2.054,85 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B (*tổng mức đầu tư dự kiến 95 tỷ đồng*), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 95 tỷ đồng.

(2) Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 7.754,1 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 1.270 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 03 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư dự kiến 1.456,9 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 570 tỷ đồng.

(3) Lĩnh vực văn hóa thông tin

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 4.914 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 945,4 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 03 dự án nhóm C với tổng mức đầu tư dự kiến 35,3 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 31,75 tỷ đồng.

(4) Lĩnh vực môi trường

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 11.706,1 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 1.441,9 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 04 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư dự kiến là 4.156 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 2.536 tỷ đồng (*trong đó 02 dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 với nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 1.836 tỷ đồng ; 02 dự án với nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 700 tỷ đồng*).

(5) Lĩnh vực thủy lợi

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 5.099,4 tỷ đồng, đã phân bổ hết cho các dự án.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025 với tổng mức đầu tư dự kiến là 3.947,1 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 1.000 tỷ đồng.

(6) Lĩnh vực giao thông

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 127.343,6 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 5.750,5 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 05 dự án (*04 dự án nhóm B, 01 dự án nhóm C với tổng mức đầu tư dự kiến 2.319,7 tỷ đồng*), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 898 tỷ đồng.

(7) Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 3.793 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 1.875,2 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 02 dự án (*01 dự án nhóm B, 01 dự án nhóm C với tổng mức đầu tư dự kiến 157,1 tỷ đồng*), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 134 tỷ đồng.

(8) Lĩnh vực công trình công cộng đô thị

- Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 388 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn chưa phân bổ là 388 tỷ đồng.

- Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 03 dự án nhóm B (*tổng mức đầu tư dự kiến 886,4 tỷ đồng*), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 378 tỷ đồng.

b) Các dự án sử dụng 02 nguồn ngân sách

Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 02 dự án nhóm B sử dụng 02 nguồn ngân sách (*cấp Thành phố và cấp huyện*) với tổng mức đầu tư dự kiến 908,6 tỷ đồng. Dự kiến trong giai đoạn 2021-2025 sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện Thường Tín (*450 tỷ đồng*), giai đoạn 2026-2030 sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố.

c) Các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện

Đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư: 06 dự án (*02 nhóm B, 04 dự án nhóm C với tổng mức đầu tư dự kiến là 636,7 tỷ đồng*) nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 ngân sách cấp huyện là 1.123,3 tỷ đồng.

2. Đối với các dự án điều chỉnh chủ trương đầu tư sử dụng ngân sách cấp Thành phố

Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 04 dự án nhóm (*02 dự án nhóm A và 02 dự án nhóm B*) với tổng mức đầu tư dự kiến là 12.446,9 tỷ đồng, nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp thành phố dự kiến 60 tỷ đồng. Trong đó:

(1) Lĩnh vực giao thông

Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 03 dự án (*02 dự án nhóm A và 01 dự án nhóm B*) với tổng mức đầu tư dự kiến là 12.280,7 tỷ đồng. Trong đó:

- Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai: đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư với nội dung tách thành các dự án thành phần, điều chỉnh quy mô dự án và tăng tổng mức đầu tư của dự án.

- Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bái Đính (*đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn*), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư với nội dung tách thành các dự án thành phần, điều chỉnh quy mô dự án.

- 01 dự án Nâng cấp đường tỉnh 428A từ cầu Cổng Thần đến Cầu Giẽ,

huyện Phú Xuyên, đề xuất tăng tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện nhưng không đề xuất bổ sung nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025.

(2) Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể

Dự kiến nguồn Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 sau điều chỉnh là 188 tỷ đồng, đã phân bổ hết cho các dự án đủ điều kiện bố trí vốn.

Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư dự kiến là 166,3 tỷ đồng, nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 dự kiến 60 tỷ đồng (*từ nguồn vốn chưa phân bổ cho các dự án mới tăng TMĐT để hoàn thành trong kỳ*).

B. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Đến nay, 34/34 dự án đã có báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Hội đồng thẩm định của Thành phố.

C. VỀ QUY ĐỊNH ĐIỀU 89 LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG

Việc thay đổi TMĐT, tiến độ triển khai của các dự án, ảnh hưởng đến việc chấp hành quy định Điều 89, Luật Đầu tư công. Tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 (sau khi đã loại trừ các dự án sử dụng ngân sách trung ương, ODA, các dự án lớn dự kiến chỉ chuẩn bị đầu tư) thay đổi như sau:

- Theo phương án đã báo cáo, giải trình HĐND Thành phố tại kỳ họp tháng 7/2023, tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là 53.759 tỷ đồng, bằng 21% so với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố.

- Theo rà soát Nghị quyết số 12/NQ-HDND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố, tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là 55.246 tỷ đồng, bằng 21,8% kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

- Với phương án trình phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư tại kỳ họp tháng 9/2023 nêu trên, tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là 62.390 tỷ đồng, bằng 24,6% kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025. Trong đó có 03 dự án¹ đã giải trình dự kiến chuẩn bị đầu tư (*tại kỳ họp tháng 7/2023*), nay phê duyệt chủ trương và thực hiện dự án trong 02 kỳ. Trong trường hợp xác định 03 dự án này chỉ thực hiện chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án thì tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là 58.902 tỷ đồng, bằng 23,2% kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025.

¹ Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông; Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội; Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1)

D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Do yêu cầu thực tế trong quá trình lập chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư và việc điều hành kế hoạch đầu tư công, một số dự án có sự thay đổi về tổng mức đầu tư, thời gian thực hiện dẫn đến tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 tăng so với phương án đã báo cáo HĐND Thành phố tại kỳ họp tháng 7/2023. Tuy nhiên, để việc điều hành kế hoạch đầu tư công được gắn với thực tế và đảm bảo tính khả thi, UBND Thành phố báo cáo, kính đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT.

(để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn



Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
TẠI KỲ HỌP LẦN THỨ 13 CỦA HĐND THÀNH PHỐ KHÓA XVI, NHIỆM KỲ 2021-2026 (THÁNG 9/2023)
(Xem theo Tờ trình số 355 /TTr-UBND ngày 15 /9/2023 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMĐT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C					Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/sung KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030				Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố	
														Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
*	Tổng cộng (A+B)	3	22	9	34			23,036,441	27,532,332	25,958,990	1,573,342	12,168,829	5,642,750	6,736,191	5,702,750	1,023,441	11,312,629	10,872,629	440,000				
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư	1	20	9	30			12,159,026	15,085,381	13,512,039	1,573,342	5,642,750	5,642,750	6,676,191	5,642,750	1,023,441	6,607,597	6,167,597	440,000				
A.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	1	16	5	22			12,159,026	13,053,442	13,053,442		5,642,750	5,642,750	5,642,750	5,642,750		5,709,000	5,709,000					
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo		1	1				95,000	95,000	95,000		95,000	95,000	95,000	95,000								
*	Trung hạn của lĩnh vực											3,857,305	2,054,850										
I	Đầu tư nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội		1	1	2023-2025		Mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo 03 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, Xây dựng 02 nhà xưởng thực hành và sửa chữa cải tạo một số hạng mục xưởng cấp	95,000	95,000	95,000		95,000	95,000	95,000	95,000					Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	Báo cáo thẩm định số 463/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 342/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
II	Lĩnh vực y tế		3	3				1,493,771	1,456,853	1,456,853		570,000	570,000	570,000	570,000		745,000	745,000					
*	Trung hạn của lĩnh vực											7,754,100	1,270,000										
1	Dự án trọng điểm 2021-2025: Dự án Xây dựng Bệnh viện Tân Hà Nội cơ sở 2		1	1	2023-2026		xây mới bệnh viện 250 giường	748,538	748,538	748,538		200,000	200,000	200,000	200,000		475,000	475,000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Báo cáo thẩm định số 475/BC-KH&ĐT ngày 30/8/2023	Tờ trình số 341/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
2	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng (giai đoạn 1)		1	1	2024-2027		Hiện có 290 giường, Vtr mới quy mô 210 giường	504,233	504,000	504,000		200,000	200,000	200,000	200,000		250,000	250,000		UBND huyện Đan Phượng	Báo cáo thẩm định số 472/BC-KH&ĐT ngày 28/8/2023	Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 06/9/2023	
3	Đầu tư cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ		1	1	2024-2026		Quy mô 210 giường	241,000	204,315	204,315		170,000	170,000	170,000	170,000		20,000	20,000		UBND huyện Phúc Thọ	Báo cáo thẩm định số 448/BC-KH&ĐT ngày 21/8/2023	Tờ trình số 329/TTr-UBND ngày 31/8/2023	
III	Lĩnh vực Văn hóa		3	3				35,236	35,336	35,336		31,750	31,750	31,750	31,750								
*	Trung hạn của lĩnh vực											4,914,002	945,402										
1	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Trại Diên, xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên		1	1	2023-2025		Đền thờ chính, HTKT	21,500	21,500	21,500		19,350	19,350	19,350	19,350					UBND huyện Phú Xuyên	Báo cáo thẩm định số 458/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 336/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Tân Yên, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn		1	1	2023-2025		- Tu bổ, tôn tạo các hạng mục di tích và quy hoạch tôn tạo các hạng mục công trình phụ trợ trong khuôn viên di tích, HTKT. - Xây mới nhà trưng bày và tường rào, các công trình phụ trợ, hệ thống HTKT Sân, công, tường rào, hệ thống điện, cấp thoát nước, PCCC	9,662	9,642	9,642		8,700	8,700	8,700	8,700					UBND huyện Sóc Sơn	Báo cáo thẩm định số 449/BC-KH&ĐT ngày 22/8/2023	Tờ trình số 335/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Xuân Kỳ, xã Đông Xuân		1	1	2022-2025		- Tu bổ, tôn tạo nhà trưng bày tường rào - Quy hoạch tôn tạo các hạng mục công trình phụ trợ trong khuôn viên di tích, hạ tầng kỹ thuật	4,074	4,194	4,194		3,700	3,700	3,700	3,700					UBND huyện Sóc Sơn	Báo cáo thẩm định số 461/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 337/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
IV	Lĩnh vực môi trường		4	4				3,930,367	4,155,951	4,155,951		2,536,000	2,536,000	2,536,000	2,536,000		804,000	804,000					
*	Trung hạn của lĩnh vực											11,706,100	1,441,959										
1	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiên Hưng, quận Hà Đông		1	1	2024-2027		Xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải	721,561	740,000	740,000		350,000	350,000	350,000	350,000		263,000	263,000		BQLDA ĐTXDCT Hà tăng kỹ thuật và nông nghiệp	Báo cáo thẩm định số 424/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Tờ trình số 319/TTr-UBND ngày 29/8/2023	

TT	Dự án	Nhóm dự án			Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMDT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C				Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/hỗ trợ KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030				Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố	
													Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
2	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	1		1	2024-2027	Xây dựng hệ thống thu gom, nhà máy xử lý nước thải	508,806	501,000	501,000		350,000	350,000	350,000	350,000		82,000	82,000		BOLDA ĐTXDCT Hà tăng kỹ thuật và nông nghiệp số 425/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Bảo cáo thẩm định số 425/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 29/8/2023	
3	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuê - Giai đoạn 1	1		1	2024-2027	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa	1,300,000	1,476,800	1,476,800		884,000	884,000	884,000	884,000		221,000	221,000		BOLDA ĐTXDCT Hà tăng kỹ thuật và nông nghiệp số 423/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Bảo cáo thẩm định số 423/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Tờ trình số 312/TTr-UBND ngày 25/8/2023	Dự án được dự nguồn tại mục dự nguồn trên khai các dự án trong điểm
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước quản Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ	1		1	2024-2027	Xây dựng hệ thống thoát nước	1,400,000	1,438,151	1,438,151		952,000	952,000	952,000	952,000		238,000	238,000		BOLDA ĐTXDCT Hà tăng kỹ thuật và nông nghiệp số 422/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Bảo cáo thẩm định số 422/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Tờ trình số 313/TTr-UBND ngày 25/8/2023	
V	Lĩnh vực thủy lợi	1		1			3,635,000	3,947,079	3,947,079		1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000		2,600,000	2,600,000					
*	Trung hạn của lĩnh vực										5,099,400					2,600,000	2,600,000					
1	Công trình trong điểm giai đoạn 2021-2025. Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1)	1		1	2025-2030	GĐ 1: tưới 70 m³/s, tiêu 70 m³/s	3,635,000	3,947,079	3,947,079		1,000,000	1,000,000	1,000,000	1,000,000		2,600,000	2,600,000		Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp số 01/BC-HĐTD ngày 24/8/2023	Bảo cáo thẩm định số 01/BC-HĐTD ngày 24/8/2023	323/TTr-UBND ngày 31/8/2023	Dự án được dự nguồn trên khai các dự án trong điểm
VI	Lĩnh vực giao thông	4	1	5			2,333,724	2,319,677	2,319,677		898,000	898,000	898,000	898,000		1,078,000	1,078,000					
*	Trung hạn của lĩnh vực										127,343,625	5,750,500										
1	Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (đoạn từ nút giao đường 18 đến ngã ba đường vào đến Sóc) huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	1		1	2024-2027	L=6,73km, B=55m	1,482,131	1,482,131	1,482,131		450,000	450,000	450,000	450,000		810,000	810,000		UBND huyện Sóc Sơn	Bảo cáo thẩm định số 411/BC-KH&ĐT ngày 15/8/2023	Tờ trình số 314/TTr-UBND ngày 25/8/2023	
2	Lắp đặt 66 nút đèn tín hiệu giao thông (đợt 1)	1		1	2023-2025	66 nút đèn	101,000	101,688	101,688		90,000	90,000	90,000	90,000					Sở Giao thông Vận tải	Bảo cáo thẩm định số 407/BC-KH&ĐT ngày 14/8/2023	Tờ trình số 304/TTr-UBND ngày 18/8/2023	
3	Chế tạo 02 dầm cầu Benley dự phòng xử lý sự cố về cầu, tổ chức giao thông , chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố		1	1	2023-2025	B=3,97m, L= 4,6m	9,342	9,342	9,342		8,000	8,000	8,000	8,000					Sở Giao thông Vận tải	Bảo cáo thẩm định số 406/BC-KH&ĐT ngày 11/8/2023	Tờ trình số 306/TTr-UBND ngày 18/8/2023	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đề hữu Đường qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến kênh Dải, huyện Gia Lâm	1		1	2023-2026	L=2,89km, B= 23m	219,830	219,830	219,830		100,000	100,000	100,000	100,000		87,000	87,000		UBND huyện Gia Lâm	Bảo cáo thẩm định số 402/BC-KH&ĐT ngày 10/8/2023	Tờ trình số 307/TTr-UBND ngày 18/8/2023	
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom Quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm	1		1	2023-2026	L=2,65km, B= 40m	521,421	506,686	506,686		250,000	250,000	250,000	250,000		181,000	181,000		UBND huyện Gia Lâm	Bảo cáo thẩm định số 403/BC-KH&ĐT ngày 10/8/2023	Tờ trình số 308/TTr-UBND ngày 18/8/2023	
VII	Lĩnh vực HTKT Tài chính	1	1	2			157,106	157,106	157,106		134,000	134,000	134,000	134,000								
*	Trung hạn của lĩnh vực										3,793,000	1,875,200										
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tại định cư tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trach, huyện Đông Anh		1	1	2023-III/2024	0,51ha	12,124	12,124	12,124		11,000	11,000	11,000	11,000					UBND huyện Đông Anh	Bảo cáo thẩm định số 265/BC-KHDT ngày 07/6/2023	Tờ trình số 264/TTr-UBND ngày 21/6/2023	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tại định cư tại thôn Phú Tri, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vĩnh đến đường 36m Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh	1		1	2024-III/2025	7,2ha	144,982	144,982	144,982		123,000	123,000	123,000	123,000					UBND huyện Mê Linh	Bảo cáo thẩm định số 443/BC-KHDT ngày 18/8/2023	Tờ trình số 333/TTr-UBND ngày 07/9/2023	
XI	Lĩnh vực công trình công cộng đô thị	3		3			478,822	886,440	886,440		378,000	378,000	378,000	378,000		482,000	482,000					
*	Trung hạn của lĩnh vực										388,000	388,000										
1	Cải tạo, nâng cấp Công viên Thống Nhất	1		1	2024 - 2026	Cải tạo, nâng cấp trong phạm vi 456 760m2, chiều cao đặc trưng 1-2 tầng, MĐXD 1-5%	184,329	408,201	408,201		140,000	140,000	128,000	128,000		272,000	272,000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Bảo cáo thẩm định số 464/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 328/TTr-UBND ngày 31/8/2023	
2	Cải tạo, nâng cấp công viên Thủ Lệ	1		1	2024 - 2026	Cải tạo, sửa chữa các công trình trong phạm vi 98 700m2, chiều cao đặc trưng 1-2 tầng, MĐXD 1-6%	44,493	329,662	329,662		38,000	38,000	150,000	150,000		40,000	40,000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Bảo cáo thẩm định số 465/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 326/TTr-UBND ngày 31/8/2023	

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMDT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện					KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố					
											Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện							
3	Cải tạo, nâng cấp công viên Bách Thảo		1		1	2024 - 2026	Cải tạo, sửa chữa các công trình trong phạm vi 187.228m2	250,000	148,577	148,577		200,000	200,000	100,000	100,000		170,000	170,000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Báo cáo thẩm định số 465/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 327/TTr-UBND ngày 31/8/2023	
A.2	Các dự án sử dụng 02 nguồn vốn ngân sách (Thành phố và huyện)		2		2				908,597	458,597	450,000			450,000		450,000	458,597	458,597					
I	Lĩnh vực giao thông		2		2				908,597	458,597	450,000			450,000		450,000	458,597	458,597					
1	Nâng cấp đường tỉnh lộ 427 theo quy hoạch trên địa bàn huyện Thường Tín đoàn từ cầu Chiềng (km8+500) đến cầu Vượt Dương Trục Nguyễn (km11+566) - ngã ba Ga-cầu Dừa				1	2024-2027	L=3.680m, B=16,5-25m		653,486	328,486	325,000			325,000		325,000	328,486	328,486		UBND huyện Thường Tín	Báo cáo thẩm định số 604/BC-KH&ĐT ngày 28/10/2022; Văn bản số 4607/KH&ĐT-KTN ngày 06/9/2023	Tờ trình số 348/TTr-UBND ngày 11/9/2023	
2	Nâng cấp tuyến đường 429 (từ ngã ba giao cắt tỉnh lộ 429 với quốc lộ 1A cũ tại phố Tia, xã Tô Hiệu đến Km5+200, xã Nghiêm Xuyên, Thường Tín giáp với huyện Phú Xuyên)				1	2024-2027	L=2.700m, Bn=9m-21m		255,111	130,111	125,000			125,000		125,000	130,111	130,111		UBND huyện Thường Tín	Báo cáo thẩm định số 618/BC-KH&ĐT ngày 01/11/2022; Văn bản số 4607/KH&ĐT-KTN ngày 06/9/2023	Tờ trình số 349/TTr-UBND ngày 11/9/2023	
A.3	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Huyện		2	4	6				1,123,342		1,123,342			583,441		573,441	440,000	440,000					
I	Lĩnh vực văn hóa				1	1			8,431		8,431			7,500		7,500							
1	Tu bổ, tôn tạo Di tích Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa				1	2023-2025	Tu bổ tôn tạo, hang mục tượng đài, nhà trưng bày, sân, tượng bao, hạ tầng kỹ thuật		8,431		8,431			7,500		7,500				UBND quận Đống Đa	Báo cáo thẩm định số 462/BC-KH&ĐT ngày 25/8/2023	Tờ trình số 334/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
II	Lĩnh vực nông nghiệp				1	1			10,128		10,128			10,127		10,127							
1	Mở rộng cửa khẩu Tân Ấp, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội				1	2023-2024	Cải tạo, mở rộng cửa khẩu		10,128		10,128			10,127		10,127				UBND quận Ba Đình	Báo cáo thẩm định số 410/BC-KH&ĐT 15/8/2023	Tờ trình số 322/TTr-UBND ngày 30/8/2023	
III	Lĩnh vực môi trường				1	1			45,205		45,205			45,205		45,205							
1	Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực hồ Trúc Bạch				1	2023-2025	Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải		45,205		45,205			45,205		45,205				UBND quận Ba Đình	Báo cáo thẩm định số 426/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Tờ trình số 311/TTr-UBND ngày 25/8/2023	
IV	Lĩnh vực giao thông		2	1	3				1,059,578		1,059,578			520,609		510,609	440,000	440,000					
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng và chiếu sáng trang trí đô thị trên địa bàn quận Hoàng Mai				1	2023-2024	Đầu tư hệ thống chiếu sáng, trang trí		20,609		20,609			20,609		20,609				UBND quận Hoàng Mai	Báo cáo thẩm định số 419/BC-KH&ĐT ngày 16/8/2023	Tờ trình số 310/TTr-UBND ngày 24/8/2023	
2	Xây dựng tuyến đường Ngô Quyền - Phùng Hưng				1	2024-2027	L=2,2km Bn=38-45m		522,355		522,355			250,000		250,000	220,000	220,000		UBND thị xã Sơn Tây	Báo cáo thẩm định số 453/BC-KH&ĐT ngày 24/8/2023	Tờ trình số 331/TTr-UBND ngày 05/9/2023	
3	Xây dựng tuyến đường từ Cầu Công đi đường tránh Quốc lộ 32				1	2024-2027	L=2,55km Bn=35m		516,614		516,614			250,000		240,000	220,000	220,000		UBND thị xã Sơn Tây	Báo cáo thẩm định số 480/BC-KH&ĐT ngày 31/8/2023	Tờ trình số 347/TTr-UBND ngày 11/9/2023	
B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	2	2		4			10,877,415	12,446,951	12,446,951		6,526,079		60,000	60,000		4,705,032	4,705,032					
B.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	2	2		4			10,877,415	12,446,951	12,446,951		6,526,079		60,000	60,000		4,705,032	4,705,032					
I	Lĩnh vực giao thông	2	1		3			10,770,115	12,280,656	12,280,656		6,436,079					4,705,032	4,705,032					
*	Trung hạn của lĩnh vực											127,343,625	5,750,500										

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế/Quy mô	TMDT dự kiến tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2021-2025 tại NQ số 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện					KHV trung hạn/dự nguồn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/hỗ trợ KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030			Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố					
											Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện							
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai	1			1	2022-2027	L=21,7Km, B=(50 + 60)m; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng 07 cầu và 01 công hợp mới	8,112,968	9,590,823	9,590,823		4,606,079					4,237,032	4,237,032		Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố	Báo cáo thẩm định số 07/BC-HĐTD ngày 29/8/2023	Tờ trình số 325/TTr-UBND ngày 31/8/2023	
1.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Hà Đông					2022-2026	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB, tái định cư trên địa bàn quận Hà Đông		3,886,225	3,886,225		1,000,000					2,028,291	2,028,291		UBND quận Hà Đông			
1.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Chương Mỹ					2022-2026	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB trên địa bàn huyện Chương Mỹ		2,688,524	2,688,524		1,000,000					1,010,245	1,010,245		UBND huyện Chương Mỹ			
1.3	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai					2022-2027	L=21,7Km, B=(50 + 60)m; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng 07 cầu và 01 công hợp mới		3,016,074	3,016,074		2,606,079					1,198,496	1,198,496		Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố			Trong đó: NS trung ương 2.106,079 triệu đồng
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bãi Đỉnh (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1			1	2022-2026	L=12,5Km, B=21m	2,564,055	2,564,055	2,564,055		1,750,000					428,000	428,000		Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố	Báo cáo thẩm định số 06/BC-HĐTD ngày 25/8/2023	Tờ trình số 324/TTr-UBND ngày 31/8/2023	
2.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Ứng Hòa					2022-2025	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB trên địa bàn huyện Ứng Hòa	289,362	289,362	289,362		245,000								UBND huyện Ứng Hòa			
2.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Mỹ Đức					2022-2025	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB trên địa bàn huyện Mỹ Đức	194,208	194,208	194,208		165,000								UBND huyện Mỹ Đức			
2.3	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bãi Đỉnh (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa					2022-2026	L=12,5Km, B=21m	2,080,485	2,080,485	2,080,485		1,340,000					428,000	428,000		Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố			
3	Nâng cấp đường tỉnh 428A từ cầu Cổng Thần đến cầu Giẽ, huyện Phú Xuyên	1			1	2023-2026	L=1,97 Km, B=12m	93,092	125,778	125,778		80,000					40,000	40,000		UBND huyện Phú Xuyên	Báo cáo thẩm định số 485/BC-KH&ĐT ngày 31/8/2023	Tờ trình số 345/TTr-UBND ngày 08/9/2023	
II	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1			1			107,300	166,295	166,295		90,000		60,000	60,000								
*	Trung hạn của lĩnh vực											188,000											
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố và cải tạo sửa chữa hội trường tầng 3 trụ sở HĐND Thành phố và UBND thành phố	1			1	2022-2024	Cải tạo nhà ở, sửa chữa, bổ tu sửa các phòng, cải tạo không gian kiến trúc,	107,300	166,295	166,295		90,000		60,000	60,000					Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Báo cáo thẩm định số 454/BC-KH&ĐT ngày 24/8/2023	Tờ trình số 330/TTr-UBND ngày 05/9/2023	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 năm 2023 về phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Xét các Báo cáo thẩm tra số: /BC-KTNS ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách; số /BC-BĐT ngày tháng năm 2023 của Ban Đô Thị; Số /BC-VHXXH ngày tháng năm 2023 của Ban Văn hóa – Xã hội; Báo cáo giải trình số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư của 30 dự án (gồm 01 dự án nhóm A, 20 dự án nhóm B và 09 dự án nhóm C), tổng mức đầu tư dự kiến 15.085.381 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của 04 dự án (02 dự án nhóm A, 02 dự án nhóm B) với tổng mức đầu tư dự kiến là 12.446.951 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết:

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện: Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, có giải pháp đầu

nổi thích hợp, khớp nối đồng bộ, lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo không trùng lặp và tiết kiệm, hiệu quả và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; xác định nguồn gốc đất đai, xây dựng phương án, kinh phí giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành; trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; trong công tác lập, trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cần lưu ý thực hiện (hoặc giải trình việc không thực hiện) ý kiến của các sở, ngành đã đóng góp tại bước lập, trình, thẩm định, thẩm tra, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

b) Chỉ đạo các sở, ngành liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao: Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của các dự án. Tăng cường kiểm tra nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình đầu tư xây dựng công trình; hướng dẫn, phối hợp cùng Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; giải quyết các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi giúp Chủ đầu tư hoàn thành dự án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

c) Trong công tác xây dựng, cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm cần cân đối nguồn vốn ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp huyện (đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) theo tiến độ đảm bảo hoàn thành các dự án theo thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng 9 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
- UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng; các Ban HĐND Thành phố ;
- Các vị Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố; Trung tâm báo chí Thủ đô;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN HDND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng (A+B)	3	22	9	27,532,332	25,958,990	1,573,342			
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư	1	20	9	15,085,381	13,512,039	1,573,342			
A.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	1	16	5	13,053,442	13,053,442				
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo		1		95,000	95,000				
1	Đầu tư nghề trọng điểm cấp độ quốc tế tại Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Hà Nội		1		95,000	95,000		2023-2025	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	Phụ lục 2
II	Lĩnh vực y tế		3		1,456,853	1,456,853				
1	Dự án trọng điểm 2021-2025: Dự án Xây dựng Bệnh viện Thận Hà Nội cơ sở 2		1		748,538	748,538		2023-2026	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Phụ lục 3
2	Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng (giai đoạn 1)		1		504,000	504,000		2024-2027	UBND huyện Đan Phượng	Phụ lục 4
3	Đầu tư cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ		1		204,315	204,315		2024-2026	UBND huyện Phúc Thọ	Phụ lục 5
III	Lĩnh vực Văn hóa			3	35,336	35,336				
1	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Trại Diên, xã Hồng Thái, huyện Phú Xuyên			1	21,500	21,500		2023-2025	UBND huyện Phú Xuyên	Phụ lục 6
2	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Tân Yên, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn			1	9,642	9,642		2023-2025	UBND huyện Sóc Sơn	Phụ lục 7
3	Tu bổ, tôn tạo di tích cách mạng Xuân Kỳ, xã Đông Xuân			1	4,194	4,194		2022-2025	UBND huyện Sóc Sơn	Phụ lục 8
IV	Lĩnh vực môi trường		4		4,155,951	4,155,951				
1	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông		1		740,000	740,000		2024-2027	BQLDA ĐTXDCT Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	Phụ lục 9
2	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Sơn Tây, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội		1		501,000	501,000		2024-2027	BQLDA ĐTXDCT Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	Phụ lục 10
3	Dự án xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực Tả sông Nhuệ - Giai đoạn 1		1		1,476,800	1,476,800		2024-2027	BQLDA ĐTXDCT Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	Phụ lục 11
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước quận Hà Đông thuộc lưu vực Hữu Nhuệ		1		1,438,151	1,438,151		2024-2027	BQLDA ĐTXDCT Hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	Phụ lục 12
V	Lĩnh vực thủy lợi	1			3,947,079	3,947,079				
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (giai đoạn 1)	1			3,947,079	3,947,079		2025-2030	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp	Phụ lục 13
VI	Lĩnh vực giao thông		4	1	2,319,677	2,319,677				
1	Mở rộng Quốc lộ 3 theo quy hoạch (đoạn từ nút giao đường 18 đến ngã ba đường vào đền Sóc) huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội		1		1,482,131	1,482,131		2024-2027	UBND huyện Sóc Sơn	Phụ lục 14
2	Lắp đặt 66 nút đèn tín hiệu giao thông (đợt 1)		1		101,688	101,688		2023-2025	Sở Giao thông Vận tải	Phụ lục 15

3	Chế tạo 02 dàn cầu Benley dự phòng xử lý sự cố về cầu, tổ chức giao thông , chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố		1	9,342	9,342		2023-2025	Sở Giao thông Vận tải	Phụ lục 16
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đuống qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến kênh Dải, huyện Gia Lâm		1	219,830	219,830		2023-2026	UBND huyện Gia Lâm	Phụ lục 17
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom Quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm		1	506,686	506,686		2023-2026	UBND huyện Gia Lâm	Phụ lục 18
VII	Lĩnh vực HTKT Tái định cư		1	1	157,106	157,106			
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Đồng Nhân, xã Hải Bối, huyện Đông Anh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trách, huyện Đông Anh		1	12,124	12,124		2023-III/2024	UBND huyện Đông Anh	Phụ lục 19
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại thôn Phù Trì, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vinh đến đường 36m Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh		1	144,982	144,982		2024-III/2025	UBND huyện Mê Linh	Phụ lục 20
XI	Lĩnh vực công trình công cộng đô thị		3		886,440	886,440			
1	Cải tạo, nâng cấp Công viên Thống Nhất		1	408,201	408,201		2024 - 2026	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Phụ lục 21
2	Cải tạo, nâng cấp công viên Thủ Lệ		1	329,662	329,662		2024 - 2026	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Phụ lục 22
3	Cải tạo, nâng cấp công viên Bách Thảo		1	148,577	148,577		2024 - 2026	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Phụ lục 23
A.2	Các dự án sử dụng 02 nguồn vốn ngân sách (Thành phố và huyện)		2	908,597	458,597	450,000			
I	Lĩnh vực giao thông		2	908,597	458,597	450,000			
1	Nâng cấp đường tỉnh lộ 427 theo quy hoạch trên địa bàn huyện Thường Tín đoạn từ cầu Chiềng (km8+500) đến cầu Vượt Dương Trục Nguyễn (km11+566) - ngã ba Ga-cầu Dừa		1	653,486	328,486	325,000	2024-2027	UBND huyện Thường Tín	Phụ lục 24
2	Nâng cấp tuyến đường 429 (từ ngã ba giao cắt tỉnh lộ 429 với quốc lộ 1A cũ tại phố Tia, xã Tô Hiệu đến Km5+200, xã Nghiêm Xuyên, Thường Tín giáp với huyện Phú Xuyên		1	255,111	130,111	125,000	2024-2027	UBND huyện Thường Tín	Phụ lục 25
A.3	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Huyện		2	4	1,123,342	1,123,342			
I	Lĩnh vực văn hóa		1	8,431	8,431				
1	Tu bổ, tôn tại Di tích Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa		1	8,431	8,431		2023-2025	UBND quận Đống Đa	Phụ lục 26
II	Lĩnh vực nông nghiệp		1	10,128	10,128				
1	Mở rộng cửa khẩu Tân Ấp, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội		1	10,128	10,128		2023-2024	UBND quận Ba Đình	Phụ lục 27
III	Lĩnh vực môi trường		1	45,205	45,205				
1	Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu vực hồ Trúc Bạch		1	45,205	45,205		2023-2025	UBND quận Ba Đình	Phụ lục 28
IV	Lĩnh vực giao thông		2	1	1,059,578	1,059,578			
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng và chiếu sáng trang trí đô thị trên địa bàn quận Hoàng Mai		1	20,609	20,609		2023-2024	UBND quận Hoàng Mai	Phụ lục 29
2	Xây dựng tuyến đường Ngô Quyền - Phùng Hưng		1	522,355	522,355		2024-2027	UBND thị xã Sơn Tây	Phụ lục 30
3	Xây dựng tuyến đường từ Cầu Cống đi đường tránh Quốc lộ 32		1	516,614	516,614		2024-2027	UBND thị xã Sơn Tây	Phụ lục 31

B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	2	2		12,446,951	12,446,951				
B.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố	2	2		12,446,951	12,446,951				
I	Lĩnh vực giao thông	2	1		12280656	12280656				
1	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai	1			9,590,823	9,590,823		2022-2027	Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố	Phụ lục 32
1.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận Hà Đông				3,886,225	3,886,225		2022-2026	UBND quận Hà Đông	
1.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Chương Mỹ				2,688,524	2,688,524		2022-2026	UBND huyện Chương Mỹ	
1.3	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai				3,016,074	3,016,074		2022-2027	Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố	
2	Công trình trọng điểm 2021-2025: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa	1			2,564,055	2,564,055		2022-2026	Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố	Phụ lục 33
2.1	Dự án thành phần 1.1 Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Ứng Hoà				289,362	289,362		2022-2025	UBND huyện Ứng Hòa	
2.2	Dự án thành phần 1.2 Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Mỹ Đức				194,208	194,208		2022-2025	UBND huyện Mỹ Đức	
2.3	Dự án thành phần 2 đầu tư xây dựng tuyến đường Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính (đoạn nối từ đường trục phía Nam đến đường Hương Sơn - Tam Chúc), huyện Mỹ Đức, huyện Ứng Hòa				2,080,485	2,080,485		2022-2026	Ban QLDA đầu tư XDCT giao thông Thành phố	
3	Nâng cấp đường tỉnh 428A từ cầu Cổng Thần đến cầu giẽ, huyện Phú Xuyên	1			125,778	125,778		2023-2026	UBND huyện Phú Xuyên	Phụ lục 34
II	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1			166,295	166,295				
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố và cải tạo sửa chữa hội trường tầng 3 trụ sở HĐND Thành phố và UBND thành phố	1			166,295	166,295		2022-2024	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố	Phụ lục 35